

Phụ lục

DỰ THẢO THUYẾT MINH NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ

STT	Điều	Điều lệ 2022 (hiện hành)	Điều lệ sửa đổi (dự kiến)	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
1	Điều 1. Định nghĩa	<p>1. u) “Người điều hành” bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng Khối, Giám đốc Chi nhánh. Khái niệm này được hiểu thống nhất trong các văn bản khác của BIDV.</p>	<p>Bổ sung như sau:</p> <p>1. u) “Người điều hành” bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng Khối, Phó Trưởng Khối, Giám đốc Chi nhánh. Khái niệm này được hiểu thống nhất trong các văn bản khác của BIDV.</p>	Bổ sung đảm bảo phù hợp yêu cầu thực tế.
2	Điều 41. Hội đồng quản trị	<p>3. Nhiệm kỳ của HĐQT là 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT theo nhiệm kỳ của HĐQT và có thể được bầu lại với số lần không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm Thành viên HĐQT độc lập không quá 02 (hai) nhiệm kỳ liên tục. Thành viên HĐQT có thể bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc được Đại hội đồng cổ đông bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ, khi đó nhiệm kỳ của thành viên mới là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ HĐQT.</p>	<p>Sửa đổi như sau:</p> <p>3. Nhiệm kỳ của HĐQT là 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT theo nhiệm kỳ của HĐQT và có thể được bầu lại với số lần không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm Thành viên HĐQT độc lập không quá 02 (hai) nhiệm kỳ liên tục. Thành viên HĐQT chỉ được đồng thời là thành viên HĐQT tại tối đa 05 công ty khác. Thành viên HĐQT có thể bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc được Đại hội đồng cổ đông bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ, khi đó nhiệm kỳ của thành viên mới là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ HĐQT.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Phù hợp Luật TCTD năm 2010 (Luật TCTD năm 2010 không quy định nội dung “Một cá nhân chỉ được bầu làm Thành viên HĐQT độc lập không quá 02 (hai) nhiệm kỳ liên tục.”) - Khoản 3 Điều 275 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định thi hành một số điều của Luật chứng khoán. - Thông lệ trong công tác quản trị công ty.
3	Điều 47. Họp HĐQT	<p>6. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp HĐQT gửi thông báo mời họp ít nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày</p>	<p>Sửa đổi như sau:</p> <p>6. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp HĐQT gửi thông báo mời họp ít nhất 03 (ba) 05 (năm) ngày làm việc</p>	-Khoản 6 Điều 157 Luật Doanh nghiệp năm 2020.

STT	Điều	Điều lệ 2022 (hiện hành)	Điều lệ sửa đổi (dự kiến)	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
		<p>họp, các thành viên HĐQT có thể khước từ quyền nhận thông báo mời họp bằng văn bản và việc khước từ này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo mời họp làm bằng văn bản và bằng tiếng Việt, trong đó nêu rõ chương trình, thời gian và địa điểm họp, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp là các tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên HĐQT. Thông báo mời họp gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương thức khác và phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại BIDV. Thông báo mời họp không kèm theo phiếu biểu quyết cũng phải đảm bảo gửi đến các thành viên Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc.</p>	<p>trước ngày họp, các thành viên HĐQT có thể khước từ quyền nhận thông báo mời họp bằng văn bản và việc khước từ này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo mời họp làm bằng văn bản và bằng tiếng Việt, trong đó nêu rõ chương trình, thời gian và địa điểm họp, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp là các tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên HĐQT. Thông báo mời họp gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương thức khác và phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại BIDV. Thông báo mời họp không kèm theo phiếu biểu quyết cũng phải đảm bảo gửi đến các thành viên Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc.</p>	<p>- Thông lệ trong công tác quản trị công ty</p>
4	<p>Điều 48. Thông qua nghị quyết, quyết định của HĐQT</p>	<p>2. Quyền biểu quyết của thành viên HĐQT tại cuộc họp:</p> <p>a) Trừ quy định tại điểm b) khoản 2 Điều này, mỗi thành viên HĐQT tham dự cuộc họp HĐQT sẽ có một phiếu biểu quyết tại cuộc họp HĐQT. Nếu thành viên HĐQT không thể tham dự cuộc họp thì có thể ủy quyền biểu quyết của mình bằng văn bản cho một thành viên HĐQT khác (là đối tượng được phép tham gia biểu quyết) thực hiện biểu quyết thay.</p> <p>b) Thành viên HĐQT không được biểu quyết về các hợp đồng, giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc Người có liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của BIDV và sự có mặt của thành viên đó không được tính vào số lượng đại biểu yêu cầu có mặt tại cuộc họp, đồng thời cũng không được nhận ủy quyền của thành viên HĐQT khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó.</p>	<p>Sửa đổi như sau:</p> <p>2. Quyền biểu quyết của thành viên HĐQT tại cuộc họp:</p> <p>a) Trừ quy định tại điểm b) khoản 2 Điều này, Mỗi thành viên HĐQT tham dự cuộc họp HĐQT sẽ có một phiếu biểu quyết tại cuộc họp HĐQT. Nếu thành viên HĐQT không thể tham dự cuộc họp thì có thể ủy quyền biểu quyết của mình bằng văn bản cho một thành viên HĐQT khác (là đối tượng được phép tham gia biểu quyết) thực hiện biểu quyết thay. Thành viên HĐQT không được biểu quyết, ủy quyền biểu quyết khi có vấn đề xung đột lợi ích với thành viên đó.</p> <p>b) Thành viên HĐQT không được biểu quyết về các hợp đồng, giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc Người có liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của BIDV và sự có mặt của thành viên đó không được tính vào số lượng đại biểu yêu cầu có mặt tại cuộc họp, đồng thời cũng không được nhận ủy quyền của thành viên HĐQT khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó.</p>	<p>Phù hợp Luật TCTD năm 2010, Luật Doanh nghiệp năm 2020 (Luật TCTD năm 2010, Luật Doanh nghiệp năm 2020 không quy định nội dung này). Đồng thời thống nhất với khoản 5 Điều 44 Điều lệ - phù hợp khoản 4 Điều 65 Luật TCTD năm 2010.</p>

STT	Điều	Điều lệ 2022 (hiện hành)	Điều lệ sửa đổi (dự kiến)	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
		<p>c) Nếu có nghi ngờ nào nảy sinh tại một cuộc họp liên quan đến quyền lợi của thành viên HĐQT hoặc liên quan đến quyền được biểu quyết của thành viên HĐQT và những nghi ngờ đó không được thành viên HĐQT đó tự nguyện giải quyết bằng cách chấp thuận từ bỏ quyền biểu quyết, thì nghi ngờ đó sẽ được chuyển tới Chủ tọa của cuộc họp quyết định.</p> <p>Phán quyết của Chủ tọa sẽ có giá trị cuối cùng và có tính kết luận trừ trường hợp khi bản chất hoặc mức độ quyền lợi, của thành viên HĐQT có liên quan đó chưa được công bố đầy đủ.</p> <p>d) Bất kỳ thành viên HĐQT nào hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điều 74 của Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.</p> <p>e) Thành viên HĐQT trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với BIDV và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà HĐQT lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên HĐQT không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với BIDV, thành viên HĐQT này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của HĐQT được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.</p>	<p>b) Nếu có nghi ngờ nào nảy sinh tại một cuộc họp liên quan đến quyền lợi của thành viên HĐQT hoặc liên quan đến quyền được biểu quyết của thành viên HĐQT và những nghi ngờ đó không được thành viên HĐQT đó tự nguyện giải quyết bằng cách chấp thuận từ bỏ quyền biểu quyết, thì nghi ngờ đó sẽ được chuyển tới Chủ tọa của cuộc họp quyết định.</p> <p>Phán quyết của Chủ tọa sẽ có giá trị cuối cùng và có tính kết luận trừ trường hợp khi bản chất hoặc mức độ quyền lợi, của thành viên HĐQT có liên quan đó chưa được công bố đầy đủ.</p> <p>c) Bất kỳ thành viên HĐQT nào hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điều 74 của Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.</p> <p>d) Thành viên HĐQT trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với BIDV và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà HĐQT lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên HĐQT không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với BIDV, thành viên HĐQT này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của HĐQT được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.</p>	
5	Điều 55. Nhiệm vụ và quyền hạn của	<p>Ban Kiểm soát có nhiệm vụ và quyền hạn như sau:</p> <p>8. Kịp thời thông báo cho HĐQT bằng văn bản khi phát hiện trường hợp vi phạm của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc hoặc Người quản lý của BIDV đối với các nghĩa vụ quy định tại Điều 73 Điều lệ này, các quy định khác của Điều lệ này</p>	<p>Sửa đổi như sau:</p> <p>Ban Kiểm soát có nhiệm vụ và quyền hạn như sau:</p> <p>8. Kịp thời thông báo cho HĐQT bằng văn bản trong thời hạn 48 giờ khi phát hiện trường hợp vi phạm của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc hoặc và Người quản</p>	<p>Khoản 5 Điều 288 và khoản 5 Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020</p>

STT	Điều	Điều lệ 2022 (hiện hành)	Điều lệ sửa đổi (dự kiến)	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
	Ban Kiểm soát	và quy định của Pháp luật hiện hành có liên quan, đồng thời yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;	ly, Người điều hành khác của BIDV đối với các nghĩa vụ quy định tại Điều 73 Điều lệ này, các quy định khác của Điều lệ này và quy định của Pháp luật hiện hành có liên quan, đồng thời yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;	quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
6	Điều 64. Biên bản họp Ban Kiểm soát	1. Cuộc họp Ban Kiểm soát phải được ghi đầy đủ vào sổ biên bản. Biên bản họp Ban Kiểm soát được lập bằng tiếng Việt và phải được tất cả các thành viên Ban Kiểm soát tham dự cuộc họp ký tên và phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản. 3. Sổ biên bản và biên bản cuộc họp Ban Kiểm soát phải được lưu giữ và bảo quản tại BIDV bởi Ban Kiểm soát.	Sửa đổi như sau: 1. Cuộc họp Ban Kiểm soát phải được ghi đầy đủ vào sổ biên bản . Biên bản họp Ban Kiểm soát được lập bằng Tiếng Việt và phải được tất cả các thành viên Ban Kiểm soát tham dự cuộc họp ký tên và phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản. 3. Sổ biên bản và Biên bản họp cuộc họp Ban Kiểm soát phải được lưu trữ và bảo quản tại BIDV bởi Ban Kiểm soát.	Luật TCTD năm 2010, Luật Doanh nghiệp năm 2020 không quy định về Sổ biên bản họp của Ban Kiểm soát.
7	Điều 73. Công khai, báo cáo các lợi ích có liên quan	1. Thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và những Người quản lý khác của BIDV phải công khai các lợi ích liên quan của họ với BIDV bao gồm: a) Tên, địa chỉ, trụ sở chính, ngành nghề kinh doanh, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế mà họ và Người có liên quan trực tiếp đứng tên sở hữu phần vốn góp, Cổ phần hoặc ủy quyền, ủy thác cho người khác đứng tên quản lý trên 5% Vốn Điều lệ của doanh nghiệp, tổ chức đó, tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc số Cổ phần đó. b) Tên, trụ sở chính, ngành nghề kinh doanh, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế mà họ đang là thành	Sửa đổi như sau: 1. Thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và những Người quản lý khác của BIDV phải công khai các lợi ích liên quan của họ với BIDV bao gồm: a) Tên, địa chỉ, trụ sở chính, ngành nghề kinh doanh, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế mà họ và Người có liên quan trực tiếp đứng tên sở hữu phần vốn góp, Cổ phần hoặc ủy quyền, ủy thác cho cá nhân, tổ chức người khác đứng tên quản lý trên từ 5% Vốn Điều lệ của doanh nghiệp, tổ chức đó, tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc số Cổ phần đó. b) Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành nghề kinh doanh, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế mà họ và người có liên quan đang là thành viên HĐQT,	- Khoản 1 Điều 39 Luật TCTD năm 2010. - Khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp năm 2020.

STT	Điều	Điều lệ 2022 (hiện hành)	Điều lệ sửa đổi (dự kiến)	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
		viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc. c) Tên, trụ sở chính, ngành nghề kinh doanh, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà những Người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng số Cổ phần hoặc phần vốn góp từ 10% vốn điều lệ của doanh nghiệp đó.	thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc. c) Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành nghề kinh doanh, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà những Người có liên quan của họ làm chủ , cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng số Cổ phần hoặc phần vốn góp từ trên 10% vốn điều lệ của doanh nghiệp đó.	
8	Điều 74. Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị chấp thuận	Tên Điều: “Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị chấp thuận”	Tên Điều: “Hợp đồng, giao dịch giữa BIDV với người có liên quan phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận”	Điều 167 Luật Doanh nghiệp năm 2020.
		1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa BIDV với người có liên quan sau đây: ... c) Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác của BIDV phải kê khai theo Quy định tại <u>khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.</u>	Sửa đổi như sau: 1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa BIDV với người có liên quan sau đây: ... c) Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác của BIDV phải kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều 73 Điều lệ này khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.	Thống nhất với khoản 1 Điều 73 Điều lệ.
9	Điều 86. Hệ thống kế toán	1. Hệ thống kế toán BIDV sử dụng là Hệ thống kế toán Việt Nam (VAS) hoặc bất kỳ hệ thống nào khác theo chuẩn mực thông lệ quốc tế và được Bộ Tài chính chấp thuận. BIDV thực hiện hạch toán theo hệ thống tài khoản kế toán do NHNN quy định.	Sửa đổi như sau: 1. Hệ thống kế toán BIDV sử dụng là Hệ thống kế toán Việt Nam (VAS) hoặc bất kỳ hệ thống nào khác theo chuẩn mực thông lệ quốc tế và được Bộ Tài chính chấp thuận. BIDV thực hiện hạch toán theo hệ thống tài khoản kế toán và Chế độ Báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng do NHNN quy định.	- Điều 9 và điểm 4.3 khoản 4 Điều 115 Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. - Thực tế triển khai tại BIDV.
10	Điều 93.		Sửa đổi như sau:	- Điều 2 Thông tư

STT	Điều	Điều lệ 2022 (hiện hành)	Điều lệ sửa đổi (dự kiến)	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
	Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và hàng quý	<p>1. BIDV lập các báo cáo tài chính theo quy định của Pháp luật về kế toán, thống kê và báo cáo hoạt động nghiệp vụ định kỳ theo quy định của NHNN. Toàn bộ tài liệu kế toán, chứng từ, sổ và báo cáo của BIDV phải được lập và lưu giữ bằng tiếng Việt. Tất cả các hồ sơ và báo cáo tài chính, kế toán quan trọng cần phải có sự chấp thuận và chữ ký của Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng.</p> <p>2. Báo cáo tài chính hàng năm của BIDV bao gồm:</p> <p>a) Bảng cân đối kế toán;</p> <p>b) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;</p> <p>c) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; và</p> <p>d) Thuyết minh báo cáo tài chính, thuế và tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước.</p> <p>Ngoài các báo cáo trên, BIDV lập các báo cáo hàng năm bao gồm: báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tổng hợp kết quả kinh doanh hàng năm, báo cáo tổng hợp công tác quản lý, điều hành.</p>	<p>1. BIDV lập các báo cáo tài chính theo quy định của NHNN, Pháp luật về kế toán, thống kê và báo cáo hoạt động nghiệp vụ định kỳ theo quy định của NHNN, cơ quan quản lý nhà nước khác. Toàn bộ tài liệu kế toán, chứng từ, sổ và báo cáo của BIDV phải được lập và lưu giữ bằng tiếng Việt. Tất cả các hồ sơ và báo cáo tài chính, kế toán quan trọng cần phải có sự chấp thuận và chữ ký của Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng.</p> <p>2. Báo cáo tài chính hàng năm của BIDV bao gồm:</p> <p>a) Bảng cân đối kế toán Báo cáo tình hình tài chính;</p> <p>b) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;</p> <p>c) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;</p> <p>d) Thuyết minh báo cáo tài chính, thuế và tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước.</p> <p>Ngoài các báo cáo trên, BIDV lập các báo cáo hàng năm bao gồm: báo cáo tài chính hợp nhất, Báo cáo tổng hợp kết quả kinh doanh hàng năm, Báo cáo tổng hợp công tác quản lý, điều hành.</p>	<p>số 27/2021/TT-NHNN ngày 31/12/2021 của Thống đốc NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của hệ thống tài khoản kế toán các TCTD ban hành kèm theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29/4/2004 và chế độ báo cáo tài chính đối với các TCTD ban hành kèm theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18/4/2007 của Thống đốc NHNN.</p> <p>- Thực tế triển khai tại BIDV.</p>
11	Điều 96. Chế độ lưu giữ tài liệu của BIDV	<p>1. BIDV lưu giữ tại TSC BIDV những tài liệu sau:</p>	<p>Sửa đổi như sau:</p> <p>1. BIDV lưu giữ tại TSC và/hoặc các đơn vị trực thuộc những tài liệu sau:....</p>	<p>- Khoản 2 Điều 11 Luật Doanh nghiệp năm 2020.</p> <p>- Thực tế triển khai tại BIDV.</p>
12	Phụ lục		<p>Cập nhật thông tin về mô hình tổ chức, Danh sách đơn vị trực thuộc, công ty con, công ty liên kết tại Phụ lục Điều lệ đến ngày tổ chức ĐHĐCĐ.</p>	<p>Cập nhật đến thời điểm tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2023.</p>

